

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ CÁC MÔ HÌNH CỐ VẤN HỌC TẬP TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM

Cao Dao Thép^{1*} và Trần Văn Đạt²

¹Trường Đại học Đồng Tháp

²Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: cdthep@dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 05/5/2022; Ngày nhận chỉnh sửa: 26/5/2022; Ngày duyệt đăng: 07/7/2022

Tóm tắt

Trong đào tạo theo học chế tín chỉ, cố vấn học tập là một nét đặc trưng quan trọng. Cố vấn học tập có vai trò đặc biệt quan trọng trong đào tạo tín chỉ và ảnh hưởng đến sự thành công trong học tập, rèn luyện của mỗi sinh viên. Mỗi cố vấn học tập là một “mắt xích” trong mối liên hệ giữa sinh viên - chương trình đào tạo - nhà trường. Để hoạt động cố vấn học tập đạt hiệu quả đòi hỏi các trường đại học lựa chọn, tổ chức và vận hành được mô hình cố vấn học tập theo đặc điểm riêng của từng trường. Bài viết trình bày các nghiên cứu về các mô hình cố vấn học tập trên thế giới và ở Việt Nam. Kết quả bài viết sẽ là cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc để lựa chọn mô hình cố vấn học tập phù hợp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đại học trong bối cảnh đào tạo theo học chế tín chỉ.

Từ khóa: Cố vấn học tập, mô hình, mô hình cố vấn học tập.

GENERAL RESEARCHES ON ACADEMIC ADVISORY MODELS IN THE WORLD AND IN VIETNAM

Cao Dao Thép^{1*} and Tran Van Dat²

¹Dong Thap University

²An Giang University, Viet Nam National University, Ho Chi Minh City

*Corresponding author: cdthep@dthu.edu.vn

Article history

Received: 05/5/2022; Received in revised form: 26/5/2022; Accepted: 07/7/2022

Abstract

Academic advisors are noticeable features in the credit training system. They not only play an important role in the training process but also affect student learning processes. They are considered as the “connecting bridge” in the tripartite chain of student-curriculum-university. In order for academic advisors to work effectively, universities can decide how to eorganize and operate specifically appropriate advisory model. This article presents general researches on academic advisory models in the world and in Vietnam. The result of the article is the practical and theoretical foundations to choose the most suitable model applied so as to enhance the training quality.

Keywords: Academic advisors, academic advisory model, model.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.11.4.2022.961>

Trích dẫn: Cao Dao Thép và Trần Văn Đạt. (2022). Tổng quan nghiên cứu về các mô hình cố vấn học tập trên thế giới và ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 11(4), 10-14.

1. Đặt vấn đề

Phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ với những ưu thế vượt trội của nó đã và đang là yêu cầu tất yếu của giáo dục đại học trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Ở nước ta, phương thức đào tạo này đã được triển khai ở nhiều trường đại học, cao đẳng từ năm 2010 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007). Bản chất đào tạo theo hệ thống tín chỉ là nhằm tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên (SV), tính chủ động trong kế hoạch học tập của SV và kế hoạch của bản thân. Trong đào tạo tín chỉ thì vai trò của cố vấn học tập (CVHT) rất quan trọng và ảnh hưởng không nhỏ đến sự thành công trong học tập, rèn luyện của SV. CVHT là chức danh quy định trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, là người tư vấn, hỗ trợ SV tự nhận thức về mình, phát huy tối đa khả năng học tập, lựa chọn đăng kí học phần, xây dựng kế hoạch học tập phù hợp để đáp ứng mục tiêu tốt nghiệp, tìm việc làm phù hợp; theo dõi thành tích học tập của SV nhằm giúp SV điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra một lựa chọn phù hợp trong quá trình học tập (Nguyễn Thị Hằng Phương, 2013). Mỗi CVHT là một nhân tố then chốt trong mối quan hệ giữa nhà trường - SV - thị trường lao động; đồng hành cùng SV trong suốt quá trình học tập, phát triển của SV, giúp SV có đủ thông tin và tự quyết định cách thức học tập đạt hiệu quả.

Trên thế giới, CVHT được xem như là người bạn đồng hành với SV trên con đường SV đã lựa chọn ngành nghề. Ở Việt Nam, CVHT vẫn được xem là khá mới mẻ (Trần Thị Minh Đức, Kiều Anh Tuấn, 2012). Các trường đại học ở Việt Nam đang từng bước lựa chọn, tổ chức và vận hành các mô hình CVHT theo đặc điểm riêng của từng trường. Tuy nhiên, bước đầu cũng gặp khó khăn; đặc biệt là công tác quản lý hoạt động CVHT. Hiện nay hoạt động CVHT chưa đạt hiệu quả cao do các CVHT phải kiêm nhiệm rất nhiều công việc: vừa là giảng viên (GV), vừa tham gia công việc của khoa, của trường và vừa thực hiện vai trò CVHT.

Trong đào tạo theo học chế tín chỉ, mô hình CVHT có vai trò quan trọng đến chất lượng đào tạo bởi cách thức tổ chức, quản lý đội ngũ CVHT. Theo Trần Thị Minh Đức và cs., (2012) các căn cứ để phân loại các mô hình CVHT như sau: Căn cứ theo góc độ tính chất hoạt động, có thể xem CVHT theo mô hình chức năng. Mô hình này phản ánh vai trò của CVHT

trong từng hoạt động trợ giúp SV (*nhận biết năng lực và điều kiện thực tế của mình để họ có thể xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập ở đại học; giúp SV thích nghi với môi trường đại học và hướng dẫn SV giải quyết những khó khăn ngoài việc học tập mà SV đang gặp phải*). Căn cứ theo chủ thể hoạt động, có thể phân loại thành mô hình CVHT chuyên nghiệp, đó là hoạt động của các chuyên gia tư vấn - tham vấn; mô hình CVHT bán chuyên nghiệp, đó là các GV - CVHT kiêm GV bộ môn và mô hình CVHT là SV năm trên, các thạc sĩ, nghiên cứu sinh làm công tác cố vấn tình nguyện. Căn cứ theo quan điểm nhìn nhận SV, có thể phân loại thành mô hình cố vấn phát triển, mô hình cố vấn ra lệnh hay mô hình cố vấn xâm nhập - cùng tham gia. Như vậy, có nhiều mô hình CVHT khác nhau, tùy theo quan điểm của các nhà nghiên cứu. Trên thế giới, có một số mô hình CVHT trong các trường đại học đã được áp dụng nhằm có những tác động tích cực đến việc học tập của người học. Bài viết trình bày tổng quan về các mô hình CVHT trên thế giới và ở Việt Nam.

2. Các kết quả nghiên cứu

Trên thế giới: Pardee (2000), và Habley (1983) nghiên cứu hoạt động CVHT trong các trường đại học ở Mỹ và đã phân loại thành ba dạng mô hình cố vấn học tập như sau: Mô hình phi tập trung (Decentralised model), Mô hình tập trung (Centralised model) và Mô hình chia sẻ (Shared model) (dẫn theo Roger Gabb, 2007; Margaret C. King, 2008). Trong mỗi dạng mô hình có thể phân chia nhiều mô hình khác nhau.

2.1. Mô hình phi tập trung (Decentralised model)

Trong mô hình phi tập trung (còn gọi là mô hình phân cấp), hoạt động CVHT được thực hiện bởi các GV và nhân viên trong các khoa. Mô hình phi tập trung được nhắc đến nhiều là mô hình chỉ có một thành phần - đó là khoa và mô hình vệ tinh.

2.1.1. Mô hình một GV (Faculty - Only model)

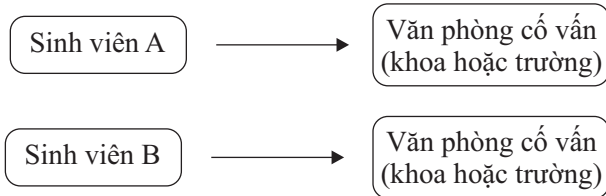


Hình 1. Mô hình CVHT một GV

Theo mô hình này, CVHT là GV trong khoa. Mỗi CVHT (thường là GV kiêm nhiệm) được phân một lượng SV nhất định và chịu trách nhiệm với khoa về hoạt động cố vấn của mình. Với mô hình này, CVHT gắn gũi với SV, nắm bắt tình hình SV tốt. Tuy nhiên, chất lượng tư vấn thường không đồng nhất và

những vấn đề trọng tâm của cuộc tư vấn thường bị thu hẹp lại (Roger Gabb, 2007). Theo đánh giá của Tổ chức khảo thí các trường đại học Mỹ (American College Testing's - ACT's), mô hình này chiếm 25% trong các trường đại học ở Mỹ.

2.1.2. Mô hình vệ tinh (Satellite model)

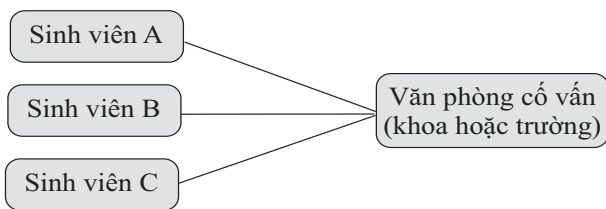


Hình 2. Mô hình CVHT vệ tinh

Với mô hình này, mỗi khoa hoặc trường thiết lập, duy trì, và kiểm soát một cách thức tư vấn riêng phù hợp với cơ sở đào tạo của mình. Mô hình vệ tinh thể hiện sự tôn trọng quyền tự chủ của các khoa, gần gũi với lớp môn học và nó có thể giúp cá nhân hóa môn học (Zunker, V. G, 2002). Tuy nhiên sẽ tốn kém về kinh phí và khó khăn trong quá trình chuyển đổi SV giữa các khóa học, giữa các khoa và có sự khác biệt về chất lượng dịch vụ.

Các văn phòng vệ tinh có nhiệm vụ thăm dò SV nói chung và trách nhiệm CVHT có thể từ văn phòng cố vấn tới một GV cụ thể trong các khoa. Có khoảng 7% các trường trong nghiên cứu của ATC's sử dụng mô hình này, nó được các trường đại học công lập áp dụng nhiều hơn.

2.2. Mô hình tập trung (Centralised model)



Hình 3. Mô hình CVHT tập trung

Đối với mô hình tập trung, một đội ngũ CVHT sẽ tư vấn cho SV trong suốt quá trình học tập tại trường, từ khi bắt đầu nhập học cho tới lúc ra trường. Do đó ở các khoa, trường không có CVHT nữa. Việc tư vấn cho tất cả SV (từ tu vấn sinh đầu vào đến việc bắt đầu khóa học) được thực hiện bởi nhân viên của văn phòng cố vấn.

Ưu điểm của mô hình này là các nhân viên được đào tạo bài bản, đảm bảo được chất lượng tư vấn,

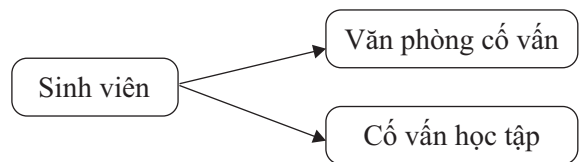
có sự giám hộ về các dịch vụ tư vấn và có các dịch vụ riêng cho những người có nhu cầu đặc biệt. Tuy nhiên, nhược điểm là tốn kém về chi phí cho nhân viên và hoạt động, tương tác giữa GV và SV bị giảm (Roger Gabb, 2007).

Trong mô hình tập trung, toàn bộ hoạt động CVHT từ định hướng tới khi kết thúc khóa học đều diễn ra ở trung tâm tham vấn hay văn phòng cố vấn. Các nhân viên tư vấn ở đây có thể là cố vấn làm việc toàn thời gian hoặc bán thời gian, là các nhà tham vấn, các GV, các thực tập sinh, hay SV. Trong các trung tâm hay văn phòng này thường có một giám đốc giám sát toàn bộ hoạt động của CVHT. Có 14% các trường trong nghiên cứu của ACT'S sử dụng mô hình này. Đây là mô hình phổ biến thứ hai ở các trường đại học công lập ở Mỹ. Điểm mạnh của mô hình này là có các nhà cố vấn được đào tạo, có địa điểm văn phòng làm việc được đặt tại sở đào tạo, CVHT có thể dễ dàng giúp đỡ SV một cách thiết thực.

2.3. Mô hình chia sẻ (Shared models)

Trong mô hình chia sẻ, hoạt động CVHT được chia sẻ giữa những đơn vị trung tâm và các GV hoặc nhân viên ở các khoa. Một trong những mô hình đầu tiên của nhóm mô hình chia sẻ là mô hình bổ sung.

2.3.1. Mô hình bổ sung (Supplementary model)



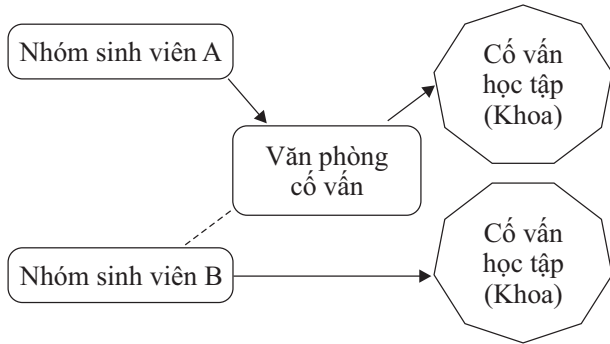
Hình 4. Mô hình CVHT bổ sung

Hệ thống CVHT được hình thành ở cấp khoa. Tất cả SV trong khoa đều có các CVHT là GV trong khoa. Ngoài ra, nhân viên ở văn phòng cố vấn trợ giúp cho GV. Tuy nhiên, quyết định về chương trình học của SV sẽ do các CVHT của khoa đảm nhiệm. Người trợ giúp GV có thể đảm nhận thực hiện một số công việc như: cung cấp thông tin chung và giới thiệu về khóa học cho SV, cung cấp các nguồn lực, tham gia xây dựng sổ tay CVHT (Lassegard, J. P, 2008). Có 17% các trường trong nghiên cứu của ACT's áp dụng mô hình này và là mô hình phổ biến thứ hai trong các trường đào tạo 02 và 04 năm. Trong mô hình này, văn phòng cố vấn thường nhỏ, đôi khi được quản lý bởi GV làm bán thời gian, hoặc tình nguyện viên là GV đã qua đào tạo về cố vấn.

Ưu điểm của mô hình này là có sự phối hợp của

các dịch vụ tư vấn nên đảm bảo tính nhất quán trong cung cấp thông tin chung, chi phí thấp. Nhược điểm của mô hình này là đội ngũ cố vấn thuộc văn phòng tư vấn có thể không đáp ứng tốt cho những SV có nhu cầu đặc biệt (Roger Gabb, 2007).

2.3.2. Mô hình phân tách (Split model)



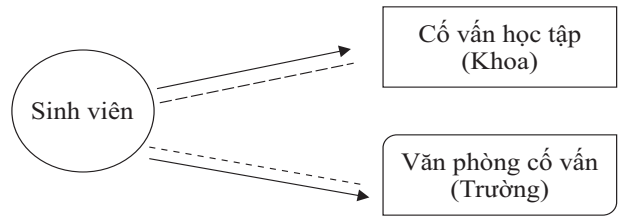
Hình 5. Mô hình CVHT phân tách

Ở mô hình này, việc tư vấn cho SV được phân ra theo các nhóm SV cụ thể: nhóm SV mới nhập trường, nhóm SV chưa có quyết định quá trình học tập của mình, nhóm SV dự bị, nhóm liên thông, nhóm SV có nguy cơ rủi ro cao. Các nhóm này sẽ được hỗ trợ riêng tại văn phòng cố vấn chuyên trách. Tất cả các SV sau khi lựa chọn khóa học sẽ được các CVHT là GV, là CVHT chuyên nghiệp, thực tập sinh hoặc SV đồng đẳng tại khoa trợ giúp. Có 27% các trường trong nghiên cứu của ACTs sử dụng mô hình này. Đây là mô hình cố vấn học tập phổ biến nhất trong các trường công đào tạo 4 năm.

Theo Roger Gabb (2007), ưu điểm của mô hình này là các nhóm SV có nguy cơ rủi ro cao sẽ được nhận thêm hỗ trợ tư vấn chuyên nghiệp và sự tương tác GV - SV được tốt hơn. Tuy nhiên, nhược điểm là có khó khăn trong quá trình kết nối SV giữa văn phòng cố vấn và các CVHT ở khoa. Mặt khác, chất lượng dịch vụ tư vấn có sự khác nhau giữa các CVHT ở hai đơn vị tư vấn.

2.3.3. Mô hình kép (Dual model)

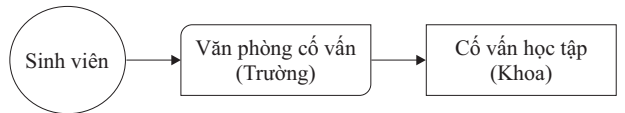
Theo mô hình này, mỗi SV có hai CVHT: CVHT tại khoa giúp SV giải quyết các vấn đề thuộc khóa học, chương trình học tập và CVHT thuộc văn phòng cố vấn học tập trường giúp SV về các yêu cầu chung, các chính sách và thủ tục liên quan đến học tập và cuộc sống ở bậc đại học. Văn phòng cố vấn có toàn bộ trách nhiệm tư vấn cho toàn SV. Có 5% các trường, trong nghiên cứu của ACT's áp dụng mô hình này.



Hình 6. Mô hình CVHT kép

Ưu điểm của mô hình kép là có sự kết hợp tư vấn giữa các cố vấn môn học chuyên ngành và cố vấn học tập chung (Roger Gabb (2007). Tuy nhiên, 2 mô hình này đòi hỏi có mối liên hệ thật chặt chẽ để SV biết được sẽ gặp ai để nhận được sự hỗ trợ tốt nhất cho vấn đề cụ thể của họ.

2.3.4. Mô hình tổng hợp (Total intake model)



Hình 7. Mô hình CVHT tổng hợp

Tất cả các SV khi mới vào trường sẽ được tư vấn tại phòng tư vấn dành riêng cho SV năm thứ nhất, với các nhân viên là các cố vấn chuyên nghiệp, các nhà tham vấn, GV, các thực tập sinh hoặc các SV đồng đẳng. Những cán bộ CVHT ở phòng tư vấn cho năm đầu tiên, ngoài nhiệm vụ cố vấn, họ còn là GV và có thể dạy một số chuyên đề cho SV năm đầu tiên. Sau khi SV đạt được những yêu cầu của học kỳ ban đầu (như đăng ký ban đầu, đạt được một điểm số trung bình nhất định...), SV sẽ chuyển về các khoa/chuyên ngành mà họ đăng ký. Tại đây, SV sẽ được các CVHT ở khoa tư vấn. Có 6% các trường trong nghiên cứu của ACT's áp dụng mô hình này.

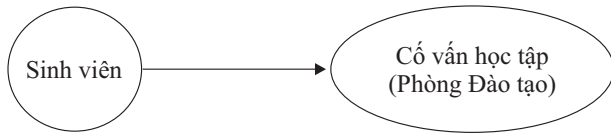
Ưu điểm của mô hình tổng hợp là đảm bảo tính thống nhất cho các dịch vụ dành cho SV năm đầu tiên với sự hỗ trợ chuyên nghiệp, giảm thiểu các chi phí cho hoạt động do hình thức tư vấn được tổ chức tập trung. Nhược điểm của mô hình tư vấn này thiếu đi sự tư vấn đối với các môn học căn bản và có khó khăn trong quá trình trung chuyển SV giữa các đơn vị tư vấn và các CVHT trực thuộc khoa được chỉ định.

Ở Việt Nam: ngoài các mô hình trên, hiện nay ở nước ta còn xuất hiện các mô hình CVHT khác như: mô hình khép kín và mô hình có sự hỗ trợ của SV (Trần Thị Minh Đức và Lê Thị Thanh Thủy, 2012).

2.4. Mô hình khép kín

SV có thể được trợ giúp bởi các chuyên viên ở

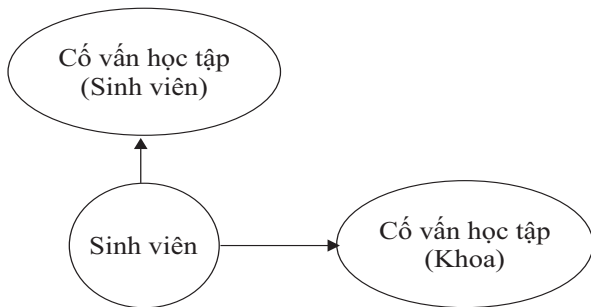
một phòng đào tạo. Mô hình này không cần vai trò của CVHT, nếu có thì rất mờ nhạt trong hoạt động trợ giúp SV. Khi cần giải đáp thông tin, SV sẽ trực tiếp đến phòng đào tạo để được tư vấn.



Hình 8. Mô hình CVHT khép kín

2.5. Mô hình có sự hỗ trợ của SV

Ở mô hình này, đội ngũ cố vấn SV được lựa chọn từ những SV năm thứ 2 trở lên có hạnh kiểm tốt, học lực khá, nhiệt tình và hiểu những hoạt động liên quan đến SV. Đội tư vấn SV có thể tư vấn về các vấn đề học tập, tiến trình học tập, cách thức đăng ký môn học, tiếp cận lựa chọn môn học.



Hình 9. Mô hình CVHT có sự hỗ trợ của SV

Các mô hình CVHT của các trường đang áp dụng có những điểm giống với mô hình của các trường đại học trên thế giới. Tuy nhiên, việc đào tạo theo học chế tín chỉ của các trường đại học tại Việt Nam còn tương đối mới mẻ nên mô hình hoạt động CVHT vẫn chưa thực sự rõ ràng về việc phân cấp. Việc nhìn nhận một cách khách quan những thuận lợi và khó khăn của từng mô hình CVHT sẽ giúp các trường đại học khai thác được thế mạnh về nguồn nhân lực và điều kiện của trường để thúc đẩy hơn nữa hiệu quả hoạt động CVHT.

3. Kết luận

Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan về các mô hình CVHT trên thế giới và ở Việt Nam, tác giả cho rằng hoạt động CVHT là hoạt động tất yếu trong đào tạo tín chỉ ở các trường đại học trên thế giới và ở Việt Nam. Tuy nhiên, mỗi mô hình CVHT đều tồn tại những ưu điểm và hạn chế nhất định, do đó để hoạt động CVHT đạt hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng đào tạo SV ở các trường đại học theo học chế

tín chỉ đòi hỏi các trường đại học cần lựa chọn được mô hình CVHT phù hợp với đặc điểm vùng miền, đặc điểm văn hóa địa phương, đặc điểm SV... Dựa vào mô hình CVHT được lựa chọn các trường đại học cần xác định được năng lực của CVHT, từ đó quy định chuẩn nghề nghiệp đối với CVHT và đặc biệt là lựa chọn và xây dựng được mô hình tổ chức và quản lý hoạt động CVHT để đạt hiệu quả cao nhất, kinh tế nhất, phù hợp với đặc thù đào tạo ở từng trường, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mã số B2021SPD05./.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2007). Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT về Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.
- Grabb, Roger. (2007). *Models of Academic Advising*. Victoria University.
- Habley, W. R. (1983). Organizational structures for academic advising: Models and implications. *Journal of College Student Personnel*, 24(6), 535- 40.
- Lassegard, J. P. (2008). The effects of peer tutoring between domestic and international students: The tutor system at Japanese universities. *Higher Education Research & Development*, 24(4), 357-369. Doi:10.1080/07294360802406825.
- King, Margaret C. (2008). *Organization of Academic Advising Services*. Academic Advising a comprehensive Handbook.
- Nguyễn Thị Hằng Phương. (2013). *Kỹ năng tư vấn của CVHT trong các trường đại học*. Luận án tiến sĩ chuyên ngành Tâm lý học, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
- Pardee, C. F. (2000). *Organizational structures for advising*. Retrieved - February 11, 2010 - from the NACADA Clearinghouse of Academic AdvisingResources. http://www.nacada.ksu.edu/Clearinghouse/AdvisingIssues/org_models.htm.
- Trần Thị Minh Đức và Kiều Anh Tuấn. (2012). CVHT trong các trường đại học. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 28(2012), 23-32.
- Trần Thị Minh Đức và nhóm nghiên cứu của Đại học Quốc gia Hà Nội. (2012). *Xây dựng mô hình hoạt động của CVHT trong đào tạo tín chỉ ở trường đại học Việt Nam*. Đề tài nghiên cứu khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Zunker, V. G. (2002). *Career Counselling: Applied Concepts of Life Planning* (6th ed). Bruce/Cole, California: Pacific Grove.